

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 834 /TTg-KTN

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2016

V/v Đề án điều chỉnh, bổ sung quy  
hoạch phát triển các khu công nghiệp  
tỉnh Lào Cai đến năm 2020

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.

Xét đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 2871/BKHĐT-QLKKT ngày 20 tháng 4 năm 2016 về Đề án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển các khu công nghiệp tỉnh Lào Cai đến năm 2020, Thủ tướng Chính phủ có ý kiến như sau:

1. Đồng ý chuyển đổi cụm công nghiệp Bắc Duyên Hải thành khu công nghiệp Bắc Duyên Hải.

2. Đồng ý điều chỉnh quy hoạch phát triển các khu công nghiệp tỉnh Lào Cai đến năm 2020 như đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn nêu trên (Phụ lục kèm theo), cụ thể: bổ sung khu công nghiệp phía Tây thành phố Lào Cai, diện tích 850 ha vào Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp cả nước.

3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai:

- Thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) của tỉnh Lào Cai cho phù hợp theo quy định của pháp luật;

- Tiếp thu ý kiến của các Bộ, tổ chức thực hiện quy hoạch đã được duyệt; thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đầu tư cho dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và thành lập khu công nghiệp theo quy định; chỉ đạo các cơ quan liên quan xây dựng quy hoạch chi tiết, thành lập, mở rộng khu công nghiệp phù hợp với khả năng thu hút đầu tư, tuân thủ chặt chẽ các điều kiện và trình tự theo quy định hiện hành; sớm có giải pháp để đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung đồng thời thực hiện giám sát chặt chẽ việc tuân thủ pháp luật về môi trường tại các khu công nghiệp;

- Triển khai xây dựng nhà ở công nhân và các công trình phúc lợi xã hội tại các khu công nghiệp để đảm bảo điều kiện sống, làm việc của người lao động./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTgCP, PTTg Trịnh Đình Dũng;
- Các Bộ: TN&MT, CT, XD, QP,  
NN&PTNT;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg,  
TGD Công TTĐT,  
Các Vụ: TH, KTTH, V. III, HC;
- Lưu: VT, KTN (3) Khanh

**KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trịnh Đình Dũng



## Phụ lục I

### TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ DỰ KIẾN QUY HOẠCH KCN ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT CỦA TỈNH LÀO CAI ĐẾN NĂM 2020

(Kèm theo Công văn số 834 /TTg-KTN ngày 19 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: ha

| TT  | KCN                                                                                                         | Diện tích quy hoạch | Tình hình thực hiện                      |                                                                                                  | Diện tích dự kiến quy hoạch thành lập đến 2020 (địa phương đề xuất) | Phương án điều chỉnh quy hoạch       |                                            |                                                                              |                                                                   | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                                                                                                             |                     | Diện tích thực tế đã thành lập/cấp GCNĐT | Diện tích quy hoạch còn lại chưa thành lập/cấp GCNĐT (không tính diện tích chênh lệch do đo đạc) |                                                                     | Diện tích dự kiến quy hoạch đến 2020 | Diện tích tăng so với quy hoạch được duyệt | Diện tích giảm so với quy hoạch được duyệt (không tính chênh lệch do đo đạc) | Diện tích dự kiến quy hoạch thành lập mới và mở rộng đến năm 2020 |         |
|     |                                                                                                             | (1)                 | (2)                                      | (3)                                                                                              | (4)                                                                 | (5)                                  | (6)=(5)-(1)                                | (7)=(1)-(5)                                                                  | (8)=(5)-(2)                                                       |         |
| I   | KCN được phê duyệt QH theo Quyết định 1107/QĐ-TTg và văn bản của Thủ tướng (toàn bộ diện tích đã thành lập) |                     |                                          |                                                                                                  |                                                                     |                                      |                                            |                                                                              |                                                                   |         |
| 1   | KCN Đông Phố Mới                                                                                            | 100                 | 100                                      | 0                                                                                                | 100                                                                 | 100                                  | 0                                          | 0                                                                            | 0                                                                 |         |
| 2   | KCN Tăng Loong                                                                                              | 1000                | 1100                                     | 0                                                                                                | 1100                                                                | 1100                                 | 100                                        | -100                                                                         | 0                                                                 |         |
| II  | KCN chuyển đổi từ CCN                                                                                       |                     |                                          |                                                                                                  |                                                                     |                                      |                                            |                                                                              |                                                                   |         |
| 1   | KCN Bắc Duyên Hải                                                                                           |                     |                                          |                                                                                                  | 85                                                                  | 85                                   |                                            |                                                                              | 85                                                                |         |
| III | KCN bổ sung mới                                                                                             |                     |                                          |                                                                                                  |                                                                     |                                      |                                            |                                                                              |                                                                   |         |
| 1   | KCN phía Tây thành phố Lào Cai                                                                              |                     |                                          |                                                                                                  | 1335                                                                | 850                                  |                                            |                                                                              | 850                                                               |         |
|     | Tổng cộng                                                                                                   | 1,100               | 1,200                                    | 0                                                                                                | 2,620                                                               | 2,135                                | 100                                        | -100                                                                         | 935                                                               |         |



**Phụ lục II**  
**DANH MỤC CÁC KCN LÀO CAI DỰ KIẾN QUY HOẠCH THÀNH LẬP MỚI ĐẾN NĂM 2020**  
(Kèm theo Công văn số 834 /TTg-KTN ngày 19 tháng 5 năm 2016)

*Đơn vị: ha*

| TT | Tên khu công nghiệp            | Diện tích dự kiến quy hoạch thành lập đến 2020 (địa phương kiến nghị) | Diện tích dự kiến quy hoạch thành lập mới đến năm 2020 |
|----|--------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|
|    | <b>Giai đoạn đến 2020</b>      |                                                                       |                                                        |
| 1  | KCN Bắc Duyên Hải              | 85                                                                    | 85                                                     |
| 2  | KCN phía Tây thành phố Lào Cai | 1335                                                                  | 850                                                    |
|    | <b>Tổng cộng</b>               | <b>1420</b>                                                           | <b>935</b>                                             |